

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình số 81-CTr/TU ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 68/NQ-CP); Chương trình số 81-CTr/TU ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” (Chương trình số 81-CTr/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình số 81-CTr/TU đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tạo sự thống nhất cao về nhận thức, chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của các cấp, các ngành và Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu: Việc cụ thể hóa phải bám sát nội dung Nghị quyết số 68/NQ-CP; Chương trình số 81-CTr/TU và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương; xác định nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, tiến bộ, công bằng. Tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội

nhập quốc tế gắn với tạo việc làm bền vững. Bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ giúp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030: Theo Phụ lục (đính kèm).

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả chính sách xã hội và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển con người Kon Tum đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nâng cao chất lượng chính sách xã hội trong tình hình mới.

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình số 81-CTr/TU và Kế hoạch này nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên; nhất là người đứng đầu về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của chính sách xã hội trong tình hình mới.

** Thực hiện: Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai, thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng.

** Thực hiện: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện thường xuyên.*

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình chính sách xã hội. Trong đó, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đổi mới phương thức quản lý, điều hành, phối hợp, bảo đảm khoa học, chặt chẽ, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các ngành, địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, bố trí sắp xếp, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội trên địa bàn tỉnh. Kiện toàn, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Ban Công tác Người cao tuổi, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh; các tổ chức đại diện cho người khuyết tật, trẻ em và quan hệ lao động.

- Tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm chính sách, vi phạm pháp luật. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện chính sách xã hội. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức; cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách

xã hội. Biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong việc thực hiện tốt chính sách xã hội.

** **Thực hiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ; các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan góp phần hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia.

** **Thực hiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh theo chức năng nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.*

3. Tham gia hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xã hội

a) Thường xuyên rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật về chính sách xã hội phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm toàn diện, bền vững, vừa có sự thống nhất chung vừa có yếu tố đặc thù của từng vùng, địa phương.

b) Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, tạo sự gắn kết giữa các chính sách việc làm và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chuyển đổi số trong kết nối cung - cầu lao động, thông tin thị trường lao động, cung ứng các dịch vụ công về việc làm; xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm và quản lý nguồn nhân lực; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội.

** **Thực hiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

c) Thực hiện kịp thời, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; triển khai có hiệu quả Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹ và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước có liên quan đến người có công với cách mạng. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người có công nhất là người ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Bảo đảm người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

¹ Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân toàn tỉnh tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” hằng năm. Rà soát thực hiện xây mới, mở rộng và nâng cấp các Nghĩa trang liệt sĩ và Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ; tích cực tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

- Phân đấu hoàn thành việc giải quyết hồ sơ tồn đọng trong thực hiện chính sách người có công; chú trọng công tác tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người có công.

*** Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

d) Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững. Tổ chức có hiệu quả các sàn giao dịch việc làm, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động. Nghiên cứu, có giải pháp hỗ trợ, tạo việc làm cho lao động thuộc diện chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số và doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tay nghề...; đồng thời, mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Tiếp tục xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ theo Chương trình hành động được ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020². Thực hiện nghiêm, có hiệu quả chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

*** Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

- Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi.

- Thực hiện tốt các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin và môi trường vùng nông thôn. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và các chính sách đào tạo nghề; trong đó chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là chất lượng dạy và học ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông; đào tạo nghề cho người lao động tại chỗ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, đào tạo lao động có tay nghề cao phù hợp với nhu cầu của tỉnh.

² Triển khai thực hiện Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 3 tháng 9 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực công nghệ cao. Nghiên cứu có chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh.

*** Thực hiện:** *Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện.*

e) Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định (nếu có). Xử lý nghiêm tình trạng chậm đóng, nợ đọng kéo dài, gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người tham gia. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; nghiên cứu, đề xuất đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

***Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

- Rà soát hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác và chính sách ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững; kết nối, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội.

- Đề xuất đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết mở rộng các nhóm đối tượng yếu thế có hoàn cảnh khó khăn khác trên địa bàn tỉnh để được hưởng trợ cấp xã hội ngoài quy định của Trung ương (nếu đảm bảo điều kiện).

- Tiếp tục rà soát và đề xuất hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách giảm nghèo gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó tập trung giải quyết các nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, dân tộc. Tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế; nâng cao chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ các địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng khó khăn. Nghiên cứu, đề xuất triển khai cơ chế thí điểm phân cấp thực hiện trọn gói các chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

*** Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

f) Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- Về giáo dục

+ Đề xuất hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến, hội nhập; khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh.

+ Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

+ Rà soát và đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo. Tăng cường đầu tư để duy trì và nâng cao kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo, tiếp tục sửa đổi, bổ sung chính sách để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho giáo dục.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

*** Thực hiện:** *Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

- Về y tế

+ Thực hiện thống nhất Trung tâm y tế cấp huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đủ nhân lực, nguồn ngân sách và cơ chế tài chính phù hợp cho y tế cơ sở, y tế dự phòng trong đó chú trọng đầu tư trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Phát triển và đổi mới hệ thống y tế đảm bảo công bằng, hiệu quả, chất lượng, bền vững, có khả năng chống chịu với các tình huống khẩn cấp và hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện kiểm tra sức khỏe cho người có nguy cơ cao mắc bệnh, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân; phát triển mạng lưới dịch vụ phục hồi chức năng.

+ Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam, đặc biệt là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới; đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm cho mọi người dân. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tiếp tục phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng; triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

+ Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của y tế dự phòng đảm bảo năng lực phản ứng nhanh trước các rủi ro dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và không chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế.

*** Thực hiện:** Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

- Về phát triển văn hóa: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, các đối tượng chính sách và yếu thế. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hóa.

*** Thực hiện:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

- Về thông tin: Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng; tăng cường tiếp cận thông tin cho vùng sâu, vùng xa, biên giới; tăng cường viên thông công ích. Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số và bảo vệ người dân, các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em an toàn trên môi trường mạng. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch; kiểm soát và xóa bỏ thông tin rác, thông tin ngoài luồng.

*** Thực hiện:** Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

- Về nhà ở: Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở³, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt⁴, chú trọng tới phát triển nhà ở xã hội. Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và địa phương để phát triển hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người thu nhập thấp và người nghèo gặp khó khăn về nhà ở nhằm góp phần ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực, đặc biệt là tài nguyên đất đai; quan tâm tới phát triển nhà ở xã hội. Tập trung triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”.

*** Thực hiện:** Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

- Về nước sạch, vệ sinh môi trường

+ Tiếp tục rà soát, thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, ô nhiễm nguồn nước. Đề xuất xây dựng chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế xã hội; kiểm soát, ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường; ưu tiên phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân; ưu tiên giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường tại các khu đô thị lớn, làng nghề, lưu vực sông.

*** Thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài Nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ xã hội về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội đang quản lý; trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh.

³ Được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022

⁴ Được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023

- Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng tại cộng đồng trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

*** Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.*

5. Kết hợp việc bố trí ngân sách nhà nước với đẩy mạnh huy động, đa dạng hóa các nguồn lực xã hội để thực hiện các chính sách xã hội

- Huy động, bố trí và sử dụng hợp pháp, hiệu quả các nguồn lực phục vụ chính sách xã hội; kết hợp nguồn vốn từ nguồn ngân sách nhà nước với các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, hỗ trợ cho chính sách xã hội nhằm bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tăng cường hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

- Gắn trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện chính sách xã hội. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và trợ giúp xã hội.

- Khuyến khích việc thành lập các doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật; đồng thời, nghiên cứu các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xã hội trên địa bàn tỉnh được hoạt động hiệu quả.

*** Thực hiện:** *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện.*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (trước ngày 05 tháng 12) và đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình số 81-CTr/TU và sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, chủ động xây dựng Chương trình/Kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện đảm bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp, đúng quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch. Triển khai tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực phối hợp giải quyết kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy định; định kỳ hằng năm (*trước ngày 30 tháng 11*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*), báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, tổng hợp báo cáo theo quy định. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (p/h);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + CVP, các PCVP;
- + Các phòng: NN&TNMT, HTKT;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.NTMD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

Phụ lục
MỤC TIÊU CỤ THỂ
*(Kèm theo Kế hoạch số: 2851/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Ưu đãi Người có công với cách mạng				
	Tỷ lệ người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh được chăm lo toàn diện cả về vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.	%	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động				
	Tỷ lệ thất nghiệp chung	%	3	< 3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2	1,5-2	
	Tỷ lệ việc làm phi chính thức	%	< 60	< 40	
	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25	< 20	
	Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	%	50	60	
	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động có việc làm	%	40	50	
3	Phát triển nguồn nhân lực				
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	44	52	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	%	80	90	
	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp	%	35	40	
	Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	30	40	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
4	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế				
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.	%	30	40	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Tỷ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong lực lượng lao động trong độ tuổi	%	2,5	05	
	Tỷ lệ người hết tuổi lao động được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	40	50	
	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội.	%	85	90	
	Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.	%	25	34	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	> 95	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%	98	-	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho trẻ em	Bậc học	Tiểu học	THCS	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	> 90	Sở Y tế
	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật được hỗ trợ bảo hiểm y tế.	%	60	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế	%	98	100	
5	Trợ giúp xã hội và giảm nghèo				
	Tỷ lệ dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	%	3,1	3,5	Sở Lao động -
	Tỷ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời	%	100	100	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỷ lệ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định	%	100	100	Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	100	100	
	Tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp được đảm bảo mức sống tối thiểu	%	-	100	
	Tỷ lệ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	
	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	90	95	
	Tỷ lệ người nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách và người yếu thế thuộc diện người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	100	100	
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều hàng năm	%/năm	3-4	3-4	
	<i>Trong đó, các huyện nghèo</i>	%/năm	6-8	6-8	
	<i>Mức giảm Tỷ lệ hộ nghèo DTTS</i>	%/năm	4	4	
	Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	%	33,3	33,3	
	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2021	Lần	2	-	
	Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản	%	80	90	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	%	50	70	
	Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	%	70	100	
	Tỷ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp kịp thời	%	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ người dân có nhu cầu được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp	%	50	100	
	Tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, được đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp	%	50	70	
	Số người làm công tác xã hội/1000 dân	Người	< 1	>= 1	
6	Giáo dục				
	Tỷ lệ hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	Duy trì phổ cập trẻ 5 tuổi	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	%	21,0	25	
	Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo	%	92	96	
	Tỷ lệ trẻ em mầm non được học 2 buổi/ngày	%	99,5	99,5	
	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	50	> 60	
	Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học	%	> 98,0	> 99	
	Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở	%	94,5	95	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	> 68,5	> 72	
	Tỷ lệ duy trì huyện, thành phố đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2	%	100	100	
	Tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học	%	99,8	99,8	
	Tỷ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	> 96	97	
	Tỷ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục	%	70	80	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1;	%	> 99	> 99	
	Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học;	%	99,8	99,8	
	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương	%	69,5	80	
7	Y tế				
	Số con bình quân của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	Con/phụ nữ	2,1	2,1	
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1,2	< 1,2	
	Tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn tỉnh	Tuổi	68,5	69,5	
	Số giường bệnh viện trên 10.000 dân	Giường bệnh	42,5	40	
	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Người	11,5	12	
	Số dược sĩ trên 10.000 dân	Người	1,0	1,5	
	Số điều dưỡng viên trên 10.000 dân	Người	22	25	
	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả	%	95	> 95	
	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	> 90	> 95	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	97% (với 8 loại vắc xin) hoặc 95% (với 12 loại vắc xin ⁵)	97% (với 8 loại vắc xin) hoặc 95% (với 14 loại vắc xin ⁶)	Sở Y tế
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	< 28,0	< 25	
	Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030				
	- Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Ca	4,2	2,5	
	- Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	Ca	<50	<20	
	- Số ca mắc mới sốt rét trên 100.000 dân	Ca	Loại trừ sốt rét	Duy trì loại trừ sốt rét	
	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế				
	- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén	%	85	90	
	- Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của nhân viên y tế	%	80	85	
	Tỷ lệ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế	%	80	90	
	Tỷ lệ trẻ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện, can thiệp sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và can thiệp sớm các dạng khuyết tật	%	70	>80	
	Tỷ lệ người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo	%	95	100	

⁵Trong trường hợp Bộ Y tế triển khai đủ 12 loại vắc xin

⁶Trong trường hợp Bộ Y tế triển khai đủ 12 loại vắc xin.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	dõi sức khỏe				
	Tỷ lệ người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng	%	100	100	
8	Phát triển văn hóa và thông tin, truyền thông				
	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng thụ nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương				Sở Thông tin và Truyền thông
	Vùng sâu, vùng xa	%	80	80	Sở Thông tin và Truyền thông
	Các vùng còn lại	%	100	100	
	Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động	%	100	100	
	Tỷ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động	%	100	100	
	Tỷ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu	%	100	100	
	Tỷ lệ xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	%	100	100	Sở Thông tin và Truyền thông
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn tiêu chí số về thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao	%	50	100	
9	Nhà ở				
	Phần đầu xây dựng sàn nhà ở xã hội	m² sàn	104.046	221.009	
	Từng bước xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	Mức độ	Giải quyết cơ bản	Xoá bỏ hoàn toàn	
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m² sàn/người	26,0	30	
	Thành thị	m² sàn/người	29,5	32	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Nông thôn	m ² sàn/ người	22,9	27,8	Sở Xây dựng
	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	40	85	
	Thành thị	%	50	100	
	Nông thôn	%	35	70	
	Tỷ lệ nhà ở có hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải đồng bộ và được đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực	%	-	90	
10	Nước sạch, vệ sinh môi trường				
	Tỷ lệ hộ gia đình ở thành thị và hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch				
	Thành thị	%	98	100	Sở Xây dựng
	Nông thôn	%	95	98	Sở NNPTNT
	Tỷ lệ hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phù hợp vệ sinh, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn				
	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	70	> 88	Sở Y tế
	Tỷ lệ trường học có công trình phù hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	85	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ trạm y tế có công trình vệ sinh phù hợp, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100	100	Sở Y tế
	Tỷ lệ điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	%	1,5	10	Sở Tài nguyên và môi trường
	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	01	05	Sở Tài nguyên và môi trường
	Tỷ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi	%	50	75	Sở Nông nghiệp và phát

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá thực hiện
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
					triển nông thôn